

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2024

“Về việc: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Việt Chấn; ông Nguyễn Văn Hải;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn 1B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn 1B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/6/1991, theo giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyền số 02.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Tuy nhiên từ năm 2017 cho đến nay thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Tháng 12 năm 2023 tôi đã làm đơn xin ly hôn đối với ông Lê Văn T tuy nhiên sau đó được Tòa án mời lên làm việc vì nghĩ cho các con nên tôi đã rút đơn quay về đoàn tụ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án đã

đình chỉ giải quyết vụ việc của chúng tôi theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc. Sau khi vợ chồng quay về đoàn tụ thì ông T vẫn chứng nào tật đó, vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, cãi vã nhau.

Xét mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên tôi đã làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Lê Văn T. Nguyên vọng của tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi với ông Lê Văn T được ly hôn.

- *Về con chung*: Giữa chúng tôi có 02 con chung là cháu Lê Phong V, sinh ngày 26-11-1990 và cháu Lê Hoàng Ng, sinh ngày 02-6-1999. Hiện các cháu Vũ và Nguyên đều đã trên 18 tuổi, có cuộc sống riêng, các cháu tự quyết định cuộc sống của mình nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng tiền nuôi con*: Do 02 con chung đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Giữa chúng tôi không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

* *Đối với bị đơn ông Lê Văn T*: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Lê Văn T là bị đơn biết để đến làm việc tại Tòa án, nhưng ông T vẫn không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, các phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận được ý kiến của ông Lê Văn T.

Quá trình làm việc, Tòa án đã nhiều lần mời các đương sự lên làm việc nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho các đương sự để đoàn tụ được, bản thân bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với ông Lê Văn T. Do đó, căn cứ Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định tại các Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về nuôi con chung: Đối với Lê Phong V, sinh ngày 26-11-1990 và Lê Hoàng Ng, sinh ngày 02-6-1999 hiện đã trên 18 tuổi, có cuộc sống riêng nên không đề cập để giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện thì bị đơn ông Lê Văn T có nơi cư trú tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin được ly hôn với ông Lê Văn T. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa thông báo cho các đương sự mở lại phiên tòa lần hai. Tuy nhiên tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N làm đơn xin được ly hôn với ông Lê Văn T. Hội đồng xét xử thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Qua các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Bà Nguyễn Thị N với ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa bà N với ông T là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị N thì quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Tuy nhiên từ năm 2017 cho đến nay thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Tháng 12 năm 2023 bà đã làm đơn xin ly hôn đối với ông Lê Văn T tuy nhiên sau đó được Tòa án mời lên làm việc vì nghĩ cho các con nên bà đã rút đơn quay về đoàn tụ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ việc theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc. Sau khi vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn và không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau.

Và theo biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương cung cấp thể hiện (BL 27): “Trong quá trình bà N và ông T sinh sống ở địa phương thì địa phương thấy vợ chồng ông bà hay xảy ra cãi vã, xích mích vợ chồng với nhau..”.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nêu: “Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau”.

Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa bà Nguyễn Thị N với ông Lê Văn T, thì thấy rằng: mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà Nguyễn Thị N yêu cầu xin ly hôn đối với ông Lê Văn T là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N, cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, giữa bà N với ông T có 02 con chung là: cháu Lê Phong V, sinh ngày 26-11-1990 và cháu Lê Hoàng Ng, sinh ngày 02-6-1999. Hiện các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập để giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các con chung đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Nên bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định tự thỏa thuận tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Văn T.
2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về tài sản chung và về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2023/0005606 ngày 29 tháng 3 năm 2024.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh